

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm xã
Quảng La, thành phố Hạ Long**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng "Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn"; Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BXD ngày 22/11/2019 của Bộ Xây dựng; Nghị định quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Quy chuẩn và Tiêu chuẩn Việt Nam về quy hoạch xây dựng hiện hành;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung thành phố Hạ Long đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 22/01/2024 của UBND thành phố Hạ Long về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng La, thành phố Hạ Long đến năm 2040;

Căn cứ Văn bản số 1392/UBND-QLĐT ngày 28/02/2024 của UBND thành phố Hạ Long "V/v thực hiện rà soát, lập Quy hoạch chi tiết Khu trung tâm xã theo định hướng Quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2040";

Căn cứ Quyết định số 7871/QĐ-UBND ngày 08/07/2024 của UBND thành phố Hạ Long "V/v phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm xã Quảng La, thành phố Hạ Long";

Căn cứ Văn bản số 3307/SXD-QH ngày 09/08/2024 của Sở Xây dựng "V/v tham gia ý kiến Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm các xã: Sơn Dương, Dân

Chủ, Bằng Cả, Quảng La, Tân Dân, Đồng Lâm, Đồng Sơn, Kỳ Thượng, Vũ Oai, Hòa Bình thành phố Hạ Long”;

Căn cứ Văn bản số 4675/SNN&PTNT-QLXD ngày 21/8/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “V/v tham gia ý kiến về 10 quy hoạch chi tiết Khu trung tâm xã trên địa bàn thành phố Hạ Long”;

Căn cứ Văn bản số 4550/SGTVT-KHTC ngày 21/8/2024 của Sở Giao thông vận tải về việc tham gia ý kiến về 10 quy hoạch chi tiết Khu trung tâm xã trên địa bàn thành phố Hạ Long;

Căn cứ Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 15/08/2024 của Hội đồng nhân dân xã Quảng La về việc thông qua Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm xã Quảng La, thành phố Hạ Long;

Căn cứ kết quả lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư về Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã Quảng La, thành phố Hạ Long tại Biên bản làm việc ngày 14/08/2024; Biên bản họp Hội đồng thẩm định ngày 21/08/2024;

Căn cứ ý kiến tham gia và thống nhất của các Ủy viên UBND thành phố Hạ Long;

Xét đề nghị của phòng Quản lý đô thị Thành phố tại Báo cáo thẩm định số: 304/BCTĐ-QLĐT ngày 27/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm xã Quảng La, thành phố Hạ Long” với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

- Phạm vi ranh giới quy hoạch: Tại thôn 5, xã Quảng La, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ranh giới quy hoạch được giới hạn bởi các điểm có tọa độ ghi trên bản đồ ranh giới quy hoạch được phê duyệt kèm theo; Giới hạn khu vực quy hoạch cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp đất ở và đất rừng sản xuất thôn 5 và thôn 1;

+ Phía Nam giáp khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn;

+ Phía Tây giáp đất ở mới thôn 5;

+ Phía Đông giáp đất ở mới 1.

- Quy mô lập quy hoạch:

+ Quy mô diện tích: 327.903,0m² (32,79ha), bao gồm cả phạm vi nghiên cứu Quốc lộ 279 qua khu trung tâm xã.

+ Quy mô dân số: khoảng 590 người.

2. Tính chất chính: Là khu trung tâm hành chính, văn hóa xã hội của xã, với đầy đủ các thiết chế, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật được nghiên cứu đồng bộ kết hợp với các khu ở, đất dịch vụ thương mại đảm bảo điều kiện phát triển kinh tế xã hội địa phương trong giai đoạn phát triển mới.

3. Nội dung chính quy hoạch:

3.1. Cơ cấu sử dụng đất:

- Bảng cơ cấu, cân bằng sử dụng đất

Stt	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)
1	Công trình công cộng	73.155,82	22,31
2	Đất ở mới	7.401,78	2,26
3	Cây xanh - mặt nước	36.773,91	11,21
4	Bãi đỗ xe	8.778,34	2,68
5	Thương mại dịch vụ	1.415,78	0,43
6	Giao thông và hạ tầng kỹ thuật khác	104.709,32	31,93
7	Đất nông nghiệp	15.196,43	4,63
8	Đất ở hiện trạng	80.471,70	24,54
Tổng		327.903,07	100,00

- Bảng chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật các lô đất:

Stt	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tầng cao tối đa (tầng)	Mật độ xd tối đa (%)	Hệ số sdd
I	Đất nông nghiệp		15.196,43	-	-	-
1.1	Đất trồng lúa	LUC	6.357,30	-	-	-
		LUC-01	4.392,39			
		LUC-02	1.964,91			
1.2	Đất rừng sản xuất	RSX	8.839,12	-	-	-
		RSX-01	1.223,14			
		RSX-02	4.694,65			
		RSX-03	2.921,34			
II	Đất xây dựng		312.706,64			
1	Đất công trình công cộng		73.155,82			
1.1	Đất UBND xã	UBND	6.473,06	4	40	1,6
1.2	Trụ sở Công an	CA	3.811,84	4	40	1,6
1.3	Trụ sở PCCC	PCCC	3.536,37	4	40	1,6
1.4	Trụ sở Quân sự	QS	3.312,79	4	40	1,6
1.5	Đất Chợ	CHO	4.282,22	2	40	0,8
1.6	Đất Bưu điện	BĐ	613,37	4	40	1,6
1.7	Đất Trạm y tế	TYT	2.429,01	4	40	1,6
1.8	Đất trường mầm non	TMN	10.083,85	3	40	1,2
1.9	Đất trường THCS + THPT	THPT+THCS	27.747,06	4	40	1,6
1.10	Nhà văn hóa	NVH	10.866,24	2	40	0,8
2	Đất ở		87.873,48			
2.1	Đất ở hiện trạng		80.471,70			
		OHT-01	7.801,50	5	80	4
		OHT-02	2.573,97	5	80	4
		OHT-03	11.401,87	5	80	4
		OHT-04	5.086,05	5	80	4
		OHT-05	376,31	5	80	4
		OHT-06	8.759,15	5	80	4
		OHT-07	4.932,40	5	80	4
		OHT-08	7.678,08	5	80	4
		OHT-09	28.904,02	5	80	4
		OHT-10	997,55	5	80	4

Stt	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích	Tầng cao	Mật độ	Hệ số
		OHT-11	1.960,81	5	80	4
2.2	Đất ở mới- đất Liên kết	LK	7.401,78			
		LK-01	964,29	5	90	4,5
		LK-02	964,99	5	90	4,5
		LK-03	967,22	5	90	4,5
		LK-04	805,99	5	90	4,5
		LK-05	588,07	5	90	4,5
		LK-06	638,26	5	90	4,5
		LK-07	601,80	5	90	4,5
		LK-08	809,25	5	90	4,5
		LK-09	630,75	5	90	4,5
		LK-10	431,18	5	90	4,5
3	Thương mại dịch vụ		1.415,78			
3.1	Thương mại dịch vụ	TMDV	1.028,20	3	60	1,8
3.2	Ngân hàng	NH	387,58	4	60	1,6
4	Đất cây xanh, mặt nước		36.773,91			
4.1	Đất cây xanh		8.638,45	1	5	0,05
		CX-01	515,21	1	5	0,05
		CX-02	1.219,56	1	5	0,05
		CX-03	3.378,01	1	5	0,05
		CX-04	1.085,58	1	5	0,05
		CX-05	2.440,10	1	5	0,05
4.2	Đất cây xanh nhóm nhà ở	CX	483,73	-	-	-
4.3	Quảng trường	QT	4.772,49	1	5	0,05
4.4	Thể dục thể thao	TDTT	14.090,26	1	5	0,05
4.5	Đất mặt nước	MN	8.788,98	-	-	-
		MN-01	514,67	-	-	-
		MN-02	3.532,50	-	-	-
		MN-03	4.187,65	-	-	-
		MN-04	341,68	-	-	-
		MN-05	122,82	-	-	-
		MN-06	89,65	-	-	-
5	Đất hạ tầng kỹ thuật		128.684,09	-	-	-
5.1	Đất bãi đỗ xe	BĐX	8.778,34	1	10	0,1
		BĐX-01	7.701,60	1	10	0,1
		BĐX-02	1.076,74	1	10	0,1
5.2	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	HTKT	142,27	-	-	-
5.3	Đất HTKT sau nhà		706,39	-	-	-
5.4	Đất bãi tập kết rác	RT	326,50			
5.5	Đất giao thông		103.534,15	-	-	-
Tổng			327.903,07	-	-	-

3.2. Các chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc:

- Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình phù hợp với kiến trúc cảnh quan khu vực, đảm bảo hài hòa giữa công trình hiện trạng và công trình xây mới; các thông số kỹ thuật cơ bản được ghi trên bản đồ Quy hoạch được phê duyệt.

- Định vị công trình, chỉ giới xây dựng và các thông số kỹ thuật cơ bản: xác định theo bản đồ quy hoạch trình duyệt kèm theo.

- Hình thức kiến trúc các công trình trang nhã, phù hợp với kiến trúc truyền thống địa phương; màu sắc công trình, cây xanh sân vườn phù hợp với chức năng sử dụng của từng công trình và hài hoà với cảnh quan khu vực, đồng thời tạo được điểm nhấn về không gian cho khu vực.

- Công trình công cộng, trụ sở, y tế, giáo dục, văn hóa, dịch vụ thương mại, thể dục thể thao: Được triển khai theo dự án thành phần, tuân thủ theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt và các quy định hiện hành (yêu cầu đảm bảo mật độ xây dựng tối đa của lô đất, khoảng lùi, khoảng cách giữa các công trình quy định tại QCVN 01:2021/BXD).

- Nhà ở liên kế: Tầng cao tối đa 05 tầng (cốt nền tầng 01 $\leq 0,45\text{m}$, chiều cao tầng 01 từ 3,6m - 4,2m; tầng 2, 3, 4, 5 từ 3,3m - 3,6m, chiều cao mái $\leq 3,0\text{m}$).

- Nhà ở sân vườn: Tầng cao tối đa 03 tầng (cốt nền tầng 01 $\leq 0,75\text{m}$, chiều cao tầng 01 từ 3,6m - 4,2m; tầng 2, 3 từ 3,3m - 3,6m, chiều cao mái $\leq 3,0\text{m}$).

- Nhà ở hiện trạng: Liên kế tối đa 05 tầng, sân vườn tối đa 03 tầng; Chiều cao tầng, cao độ nền tầng 01 đối với những công trình xây dựng mới trong khu vực hiện hữu phải hài hòa với các công trình lân cận đã được xây dựng ổn định trong khu vực.

3.3. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan và thiết kế kiến trúc công trình:

- Hình thức kiến trúc công trình đẹp, hiện đại gắn kết hài hoà với cảnh quan kiến trúc khu vực. Các công trình công cộng (nhà văn hóa, y tế, công viên,... khuyến khích thiết kế hàng rào ngăn cách giữa khuôn viên và đường giao thông tiếp giáp bằng các dải cây xanh cảnh quan để tạo không gian mở, thông thoáng tăng khả năng tiếp cận đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt công cộng.

- Bố trí hệ thống chiếu sáng cảnh quan xung quanh và mặt đứng các công trình đảm bảo quy định tại Quyết định số 1324/2016/QĐ-UBND ngày 19/5/2016 của UBND Thành phố.

- Nghiên cứu kỹ phương án kỹ thuật thiết kế, thi công đảm bảo an toàn kết cấu của công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, các công trình lân cận, kề liền trong khu vực; đảm bảo an toàn trong phòng cháy chữa cháy; đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng theo quy định tại Quy chuẩn QCVN 10:2014/BXD của Bộ Xây dựng; trong quá trình thi công không ảnh hưởng đến không gian kiến trúc cảnh quan và giao thông khu vực.

3.4. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Đảm bảo phù hợp với định hướng Quy hoạch chung Thành phố, Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng La đã được phê duyệt; đảm bảo đầu nối thống nhất với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, các công trình, dự án liền kề tại khu vực. Cải tạo, chỉnh trang hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên cơ sở hiện trạng và điều kiện thực tế khi chưa đầu tư đồng bộ theo Quy hoạch.

a. Quy hoạch giao thông

- Thông số các mặt cắt đường:

+ Nâng cấp cải tạo tuyến đường Quốc lộ 279 qua khu vực trung tâm xã Mặt cắt 1-1: Lộ giới 36,0m, lòng đường 2x10,5m, dải phân cách 3,0m, vỉa hè 2x6,0m;

+ Mặt cắt 2-2: Lộ giới 26,0m: lòng đường 16,0m, vỉa hè 2x5,0m;

- + Mặt cắt 3-3: Lộ giới 24,0m: lòng đường 14,0m, vỉa hè 2x5,0m;
- + Mặt cắt 4-4: Lộ giới 17,5m: lòng đường 10,5m, vỉa hè 2x3,5m;
- + Mặt cắt 5-5: Lộ giới 13,0-15,0m: lòng đường 7,0-7,5m, vỉa hè 2x3,0-4,0m;
- + Nâng cấp cao tạo các tuyến đường thôn xóm Mặt cắt 6-6: lòng đường 4,0-7,0m, lề đường 2x0,75m.

- Vỉa hè lát đá tự nhiên; Chi giới xây dựng các tuyến đường: từ 0-6m (tùy từng vị trí xem cụ thể bản đồ quy hoạch chi giới xây dựng). Nhà ở liên kế có khoảng lùi đồng nhất trong cùng một tuyến phố. Cải tạo chỉnh trang các tuyến đường trên cơ sở hiện trạng và điều kiện thực tế khi chưa đầu tư mở rộng đồng bộ theo Quy hoạch.

b. Quy hoạch chiều cao:

- Cao độ các tuyến đường đảm bảo kết nối êm thuận với Quốc lộ 279 qua khu trung tâm xã, khớp nối hài hòa với các công trình công cộng đã xây dựng, các khu dân cư, tuyến đường hiện trạng và cao độ nền tự nhiên. Địa hình phần lớn là đồi núi xen kẽ các quỹ đất nông nghiệp và đất ở hiện trạng, hướng dốc chủ đạo Bắc - Nam.

- Cao độ nền khu vực công trình công cộng đảm bảo công năng công trình và phù hợp nền địa hình tự nhiên. Các khu vực chênh lệch cao độ bố trí ta-luy, kè chắn đất đảm bảo ổn định nền địa hình.

c. Quy hoạch hệ thống thoát nước mặt:

- Hướng thoát nước chính: Thoát theo địa hình tự nhiên ra hệ thống rãnh có bề rộng từ B500 - B1000, đầu nối với hệ thống thoát nước mưa chung của xã sau đó chảy về hồ Yên Lập tại phía Nam khu vực.

- Hệ thống cống, rãnh thoát nước mưa được bố trí dưới đường và trên vỉa hè; được xây dựng bằng công bê tông cốt thép chịu lực đúc sẵn và rãnh gạch xây hoặc bê tông cốt thép. Trên hệ thống thoát nước có bố trí các công trình kỹ thuật như: Giếng thu nước mưa, giếng kiểm tra.

- Triệt để sử dụng kênh mương hiện có và thiết kế nối tiếp các tuyến mương đảm bảo việc thoát nước nhanh và an toàn nhất. Bố trí cửa xả thoát ra phía sông đảm bảo chảy thuận tiện và nhanh chóng.

* Thủy lợi

Nâng cấp và kiên cố hóa kênh, mương, trạm bơm và các hồ, đập hiện có đảm bảo chủ động tưới tiêu cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp; đảm bảo hệ thống thủy lợi được liên hoàn; cải tạo và nâng cấp hệ thống thoát nước trong khu dân cư nông thôn, đảm bảo các cống, rãnh không bị tắc, nghẽn; phát triển các công trình cấp nước tiên tiến phục vụ và phát triển các cây hoa màu, cây ăn quả,... ở các vùng sản xuất chuyên canh tập trung.

d. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải, quản lý CTR, vệ sinh môi trường:

- Nước thải từ các khu nhà ở, công trình công cộng & dịch vụ sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sẽ được thoát vào đường cống thu gom của từng nhóm, từng khu bằng cống dẫn về trạm xử lý nước thải của xã Quảng La theo quy hoạch chung xã.

- Nước thải được thu gom theo nguyên tắc tự chảy, độ sâu chôn cống tính tới đỉnh cống tối thiểu 0,7m, tối đa 3,6m. Tại các đường cống giao nhau và trên các đoạn cống có đặt giếng thăm. Bố trí trạm bơm nước thải chuyên bậc là trạm bơm nước thải

từ đường cống đặt sâu lên cống đặt cao hơn, nông hơn hoặc lên trạm xử lý.

- Quy hoạch thu gom chất thải rắn: Chất thải rắn được tập kết tại trạm trung chuyển, được thu gom hàng ngày chuyển về nhà máy xử lý chất thải rắn.

- Bố trí đảm bảo các khu chức năng: Các điểm trung chuyển rác (tại các lô đất vườn hoa cây xanh). Thiết kế nhà vệ sinh công cộng có quy mô tối thiểu 50m², kiến trúc hiện đại có tính thẩm mỹ, phù hợp hài hòa với không gian KTCQ khu vực. Nhà vệ sinh được đặt tại các khu công viên, cây xanh, có vị trí thuận lợi, dễ tiếp cận và đảm bảo an ninh. Vị trí cụ thể được xem xét khi triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng khu trung tâm xã.

đ. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Nguồn nước: Trung tâm xã Quảng La sử dụng nguồn nước được lấy từ hệ thống cấp nước sạch xã Quảng La đang được Thành phố đầu tư.

- Mạng cấp nước là mạng vòng khép kín kết hợp mạng nhánh. Các tuyến ống cấp nước có hướng đi ngầm chạy dọc theo hướng truyền tải.

- Cấp nước cứu hỏa: Bố trí các họng cứu hỏa tại các ngã ba, ngã tư và gần các công trình thấp tầng tạo điều kiện thuận lợi cho xe cứu hỏa lấy nước khi cần thiết, các họng cứu hỏa đầu nối với đường ống cấp nước có đường kính \geq D110mm và khoảng cách giữa các họng cứu hỏa khoảng 150m. Bên trong từng công trình phải thiết kế hệ thống cứu hỏa riêng theo phương án thẩm duyệt của cơ quan PCCC theo quy định. Tại các ao, hồ bố trí các họng lấy nước và đường giao thông, điểm đỗ phục vụ cho xe cứu hỏa.

e. Quy hoạch hệ thống cấp điện:

- Nguồn điện cung cấp cho Khu trung tâm xã được lấy từ đường dây trung thế hiện trạng qua khu vực.

- Duy trì cung cấp điện đối với các trạm biến áp hiện có trung khu vực. Trạm biến áp quy hoạch mới sử dụng loại trạm kios hợp bộ, với 3 ngăn trung áp, hạ áp, và ngăn máy biến áp riêng biệt, được đặt tại vị trí trung tâm phụ tải, trên bồn hoa và các dải cây xanh cách ly. Trạm được đặt trên bệ bê tông và có các đường dẫn cáp ngầm vào bên trong trạm.

- Cấp hạ thế được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE sau đó chôn trực tiếp trong đất ở độ sâu $0.8m \pm 1.1m$. Cột đèn dùng loại cột đèn thép tròn côn liền cần đơn, lắp bóng Led 90W ánh sáng trắng. Hệ thống điện phải thực hiện hạ ngầm, sử dụng bóng Led chiếu sáng tiết kiệm điện, đầu nối với Trung tâm điều khiển chiếu sáng chung của thành phố.

f. Quy hoạch thông tin liên lạc:

- Xây dựng tuyến cáp quang kéo từ tổng đài theo quy hoạch tới các tủ phân phối quang trong khu vực. Từ đây cáp của mạng nội bộ (cáp phối, dây trạm biến áp) sẽ được đầu nối với các tủ cáp, hộp cáp của từng công trình.

- Cáp được đi ngầm trong các tuyến cống bê. Các tuyến cống bê được bố trí trên vỉa hè dưới độ sâu $> 0,6m$, khi thiết kế chi tiết có thể được vi chỉnh kết hợp với các tuyến hạ tầng kỹ thuật khác cho phù hợp.

- Vị trí các tủ cáp, tủ phân phối và hướng đi cáp thông tin chỉ có tính chất định hướng và sẽ được cụ thể ở các bước thiết kế tiếp theo.

g. Đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường:



- Trong giai đoạn thi công xây dựng sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến môi trường như ô nhiễm không khí bụi ồn, rung, ô nhiễm dầu mỡ, bùn đất, chất thải rắn... Để giảm thiểu ô nhiễm đặc biệt là bụi, cần rút ngắn thời gian thi công, sử dụng các biện pháp kỹ thuật phun nước, che bạt, thu gom xử lý chất thải rắn, đảm bảo an toàn lao động; cấm mọi hình thức xả thải không qua xử lý trực tiếp ra nguồn; thiết lập hệ thống quan trắc, giám sát môi trường.

- Trong giai đoạn hoạt động của dự án cơ bản không gây ô nhiễm môi trường không khí, tiếng ồn, không có lưu hành xe quá thời hạn sử dụng cho đến thu gom và xử lý chất thải rắn và nước thải theo quy định; Thực hiện công tác liên quan đến việc đánh giá tác động môi trường tại khu vực theo quy định.

4. Các thông số chi tiết khác xác định theo bản đồ Quy hoạch chi tiết được phê duyệt kèm theo Quyết định này; các sai khác (nếu có) tại bản đồ Quy hoạch chi tiết thì thực hiện theo Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quy hoạch, điều chỉnh Quy hoạch chi tiết Khu trung tâm xã Quảng La đã phê duyệt trước đây.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. UBND xã Quảng La: Hoàn thiện hồ sơ, các nội dung thuyết minh, bản vẽ, quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch theo đúng quy định pháp luật, trình phòng Quản lý đô thị thẩm định, ký xác nhận trước khi tổ chức công bố công khai Quy hoạch theo quy định; Triển khai các bước tiếp theo theo quy định hiện hành (thực hiện công tác lưu trữ hồ sơ; phối hợp cùng các đơn vị liên quan tổ chức công bố, công khai Quy hoạch được duyệt). Tổ chức lập, trình cấp thẩm quyền phê duyệt hồ sơ cắm mốc giới quy hoạch và triển khai thực hiện đảm bảo quy định tại Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ Xây dựng; Rà soát, đánh giá, đề xuất UBND Thành phố đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình theo quy hoạch được duyệt. Quản lý sử dụng quỹ đất lâm nghiệp đảm bảo quy định hiện hành.

2. Giao ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố: Xây dựng kế hoạch và thực hiện đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình theo đúng Quy hoạch được duyệt.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu UBND Thành phố bố trí nguồn vốn đầu tư xây dựng Khu trung tâm xã theo Quy hoạch được duyệt đảm bảo các quy định hiện hành.

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai, môi trường theo quy định và đúng các nội dung của đồ án Quy hoạch này.

5. Phòng Quản lý đô thị: Thẩm định, ký xác nhận các bản vẽ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, quy định quản lý và hồ sơ liên quan kèm theo Quy hoạch được duyệt, phù hợp với nội dung Quyết định này; Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về quy hoạch xây dựng theo quy định hiện hành.

6. Phòng Kinh tế trên cơ sở Quy hoạch chi tiết được duyệt, tham mưu UBND Thành phố báo cáo cấp có thẩm quyền đưa ra ngoài Quy hoạch lâm nghiệp trong quá trình rà soát điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia thời kỳ 2021-2030. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực lâm nghiệp theo quy định hiện hành.

7. Giao Trung tâm Truyền thông và Văn hóa Thành phố đăng tải công bố công khai Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử thành phố Hạ Long.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND Thành phố; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế, Dân tộc, Văn hóa và Thông tin; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố; Đội trưởng Đội Kiểm tra trật tự đô thị và môi trường; Giám đốc Trung tâm Truyền thông và Văn hóa Thành phố; Chủ tịch UBND xã Quảng La; các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh;
- Đ/c CT, các PCT UBND TP;
- Sở Xây dựng;
- Như điều 3;
- Lưu VT.



Nguyễn Tiến Dũng

QUẢNG LA



Handwritten text or a signature, partially visible on the left side of the page.